

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22831701] - Tính toán hệ thống
lạnh (CCQ2218A)
CBGD: Trương Thị Kim Chi (280039)

Số SV có mặt: 22...
Số bài thi: 22...
Số tờ giấy thi: 22...

Đỗ Quang Huy *Trương Thị Kim Chi*
Đỗ Quang Huy *Trương Thị Kim Chi*

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122180068	Nguyễn Thái	Bảo	26/02/2004	CCQ2218B					
2	2122180006	Cao Ngọc	Cường	21/04/2003	CCQ2218A	1	<i>cy</i>	7,4	8,0	7,8
3	2122180027	Nguyễn Ngọc	Đại	02/07/2004	CCQ2218A					
4	2122180057	Võ Trương	Đông	01/01/2004	CCQ2218B	1	<i>Đông</i>	8,0	8,0	8,0
5	2122180051	Nguyễn Tùng	Đương	20/11/2004	CCQ2218B					
6	2122180047	Phan Phú	Gia	26/12/2002	CCQ2218B	1	<i>ph</i>	8,5	8,3	8,4
7	2122180052	Trần Văn	Giang	08/03/2004	CCQ2218B					
8	2122180021	Lê Hoàng Phúc	Hậu	19/03/2004	CCQ2218A					
9	2122180008	Nguyễn Xuân	Hiệp	09/07/2004	CCQ2218A					
10	2122180016	Huỳnh Bảo	Hung	17/09/2004	CCQ2218A	1	<i>H</i>	8,5	8,0	8,2
11	2122180065	Nguyễn Nhất	Huy	26/11/2003	CCQ2218B					
12	2122180020	Nguyễn	Huỳnh	10/05/2004	CCQ2218A	1	<i>Huỳnh</i>	7,7	7,8	7,8
13	2122180034	Nguyễn Thái	Khênh	29/08/2003	CCQ2218A	1	<i>Khênh</i>	9,0	8,0	8,4
14	2122180041	Nguyễn Hoàng	Khôi	08/03/2004	CCQ2218B	1	<i>khôi</i>	8,5	8,0	8,2
15	2122180062	Nguyễn Hữu	Kiên	09/11/2003	CCQ2218B					
16	2122180042	Nguyễn Huỳnh Tuấn	Kiệt	23/03/2004	CCQ2218B					
17	2122180012	Phạm Minh	Kiệt	01/06/2004	CCQ2218A	1	<i>ms</i>	9,0	8,0	8,4
18	2122180060	Trần Quốc	Kiệt	07/12/2004	CCQ2218B					
19	2122180004	Nguyễn Khánh	Linh	03/07/2004	CCQ2218A	1	<i>linh</i>	7,9	8,3	8,1
20	2122180007	Đinh Nguyễn Thành	Long	10/11/2004	CCQ2218A					
21	2122180002	Nguyễn Phương	Nam	18/06/2003	CCQ2218A	2	<i>Nam</i>	9,5	8,8	9,1
22	2122180054	Trần Văn	Nam	03/08/2004	CCQ2218B	1	<i>nam</i>	8,1	8,0	8,0
23	2122180053	Nguyễn Tấn	Nghĩa	18/12/2003	CCQ2218B	1	<i>nt</i>	7,8	7,5	7,6
24	2122180013	Nguyễn Văn	Nghĩa	27/05/2004	CCQ2218A					
25	2122180043	Văn Thanh	Nhật	24/01/2004	CCQ2218B					
26	2122180037	Phạm Văn	Nhơn	05/11/2004	CCQ2218B	1	<i>Nhơn</i>	8,2	8,3	8,3
27	2122180025	Nguyễn Trung	Nhuận	08/12/2004	CCQ2218A	1	<i>nt</i>	9,1	8,3	8,6
28	2122180003	Nguyễn Minh	Nhựt	28/10/2004	CCQ2218A	1	<i>nhựt</i>	8,8	7,5	8,0

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22831701] - Tính toán hệ thống
lạnh (CCQ2218A)

CBGD: Trương Thị Kim Chi (280039)

Số SV có mặt: 33..

Số bài thi: 33.....

Số tờ giấy thi: 33...

Thuy *Thuy* *Thuy* *Thuy*
Đo Quang Huy *Dương Thị* *Đo Quang Huy* *Dương Thị*
Kim Chi *Kim Chi*

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP
29	2122180028	Nguyễn Dương Tấn	Phát	05/02/2004	CCQ2218A	1	<i>Phat</i>	8.1	8.0	8.0
30	2122180032	Thái Đức	Phong	09/04/2004	CCQ2218A	1	<i>Phong</i>	7.4	6.0	6.6
31	2122180014	Trần Thanh	Phong	17/03/2004	CCQ2218A	2	<i>Phong</i>	8.9	8.5	8.7
32	2122180044	Huỳnh Nhật	Quang	10/08/2004	CCQ2218B					
33	2122180009	Phạm Tấn	Sinh	15/07/2004	CCQ2218A	1	<i>Sinh</i>	8.0	7.8	7.9
34	2122180001	Phạm Huỳnh Nhật	Tân	15/10/2000	CCQ2218A	2	<i>Tan</i>	8.6	8.8	8.7
35	2122180031	Lê Thanh	Thế	22/02/2004	CCQ2218A	1	<i>Thế</i>	7.7	8.0	7.9
36	2122180066	Trương Văn	Thế	27/01/2004	CCQ2218B					
37	2122180048	Võ Văn	Thiên	12/08/2004	CCQ2218B	1	<i>Thien</i>	8.1	7.5	7.6
38	2122180064	Bùi Ngọc	Thiện	04/10/2004	CCQ2218B	1	<i>Thien</i>	8.1	7.5	7.7
39	2122180046	Nguyễn Văn	Thiệt	13/11/2004	CCQ2218B	1	<i>Thien</i>	7.2	7.5	7.4
40	2122180056	Nguyễn Văn	Tiến	06/09/2003	CCQ2218B					
41	2122180035	Phạm Đình	Tiến	30/03/2004	CCQ2218B					
42	2122180039	Trần Văn	Tiến	05/11/2004	CCQ2218B					
43	2122180049	Lê Văn	Tính	29/12/2004	CCQ2218B	1	<i>Tinh</i>	7.4	7.5	7.5
44	2122180063	Trần Quốc	Tính	17/08/2004	CCQ2218B					
45	2122180030	Huỳnh Minh	Toàn	20/10/2004	CCQ2218A	2	<i>Toan</i>	9.0	7.5	8.1
46	2122180055	Nguyễn Tấn	Trung	16/07/2004	CCQ2218B	1	<i>Trung</i>	7.8	7.3	7.5
47	2122180038	Nguyễn Đình	Trường	01/10/2004	CCQ2218B					
48	2122180010	Hà Hữu	Truyền	13/05/2002	CCQ2218A	1	<i>Truyen</i>	8.5	8.0	8.2
49	2122180022	Nguyễn Hoàng	Tú	26/02/2004	CCQ2218A	2	<i>Tu</i>	8.0	8.5	8.3
50	2122180059	Báo Văn Anh	Tuấn	22/06/2004	CCQ2218B	1	<i>Tuan</i>	8.0	8.0	8.0
51	2122180017	Nguyễn Ngọc	Tường	11/09/2004	CCQ2218A					
52	2122180018	Nguyễn Nghi	Văn	06/04/2004	CCQ2218A	2	<i>Nghi</i>	8.8	7.5	8.0
53	2122180033	Nguyễn Thành	Vạn	19/02/2004	CCQ2218A	1	<i>Van</i>	8.8	7.5	8.0
54	2122180058	Lê Hùng	Vương	12/08/2004	CCQ2218B	1	<i>Vuong</i>	8.6	8.0	8.2